

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2018/HNGĐ-ST
Ngày 01-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình, thụ lý số: 554/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1993; thường trú: Xóm 2, thôn P xã L, huyện N, tỉnh Hà Nam; tạm trú: Tổ 28, khu phố C phường H thị xã K, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quang T, sinh năm 1991; thường trú: Xóm 2 thôn P xã L huyện N, tỉnh Hà Nam; tạm trú: Tổ 28 khu phố C phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Quang T tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2013 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36/2013, quyển số 01/2012 ngày 07/6/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bất đồng trong kinh tế, không tin tưởng lẫn

nhau, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chị H không chịu đựng được nên từ năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Nay chị H xác định hôn nhân của chị và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quang T.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung tên Trần Thị Hà V, sinh ngày 01/10/2011 và Trần Trọng P, sinh ngày 16/11/2013. Sau khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh Trần Quang T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quang T: Anh Trần Quang T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên theo bản tự khai ngày 12 tháng 7 năm 2018 anh trình bày:

Anh T thống nhất với chị Nguyễn Thị H về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc vì nhiều lý do, trong đó có lý do chị H ngoại tình nên nay chị H yêu cầu được ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị Hà V, sinh ngày 01/10/2011 và Trần Trọng P, sinh ngày 16/11/2013. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ một số anh em, bạn bè, người thân số tiền khoảng 200.000.000 đồng. Trường hợp chị H đồng ý để cho anh nuôi dưỡng cả hai con thì anh đồng ý trả hết số nợ trên. Nếu chị H không đồng ý việc để hai con cho anh nuôi thì anh yêu cầu Tòa án không thụ lý giải quyết, yêu cầu để về nơi đăng ký thường trú giải quyết.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh T do Tòa án tiến hành ngày 17/8/2018, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Chị H và anh T trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án chị H không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật

tổ tụng dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Trần Quang T có địa chỉ tạm trú tại Tổ 28, khu phố C phường H, thị xã K, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ đối với bị đơn anh Trần Quang T tham gia phiên tòa vào các ngày 14/9/2018 và ngày 01/10/2018, anh T vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 14/9/2018. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[3] Quá trình tố tụng và tại bản tự khai của các đương sự, chị H và anh T đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Anh, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn.

[4] Về con chung: Chị H, anh T có 02 con chung tên Trần Thị Hà V, sinh ngày 01/10/2011 và Trần Trọng P, sinh ngày 16/11/2013. Sau khi ly hôn chị H và anh T đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung.

Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét điều kiện nuôi dưỡng cháu Trần Thị Hà V và Trần Trọng P thấy rằng: Trong thời gian trước đây và hiện nay cháu Trần Thị Hà V và Trần Trọng P đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt, chị H có việc làm, có thu nhập ổn định, cháu V, cháu P còn nhỏ nên cần có sự trông nom chăm sóc của người mẹ. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V và cháu P. Anh T có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V và cháu P nhưng lại vắng mặt, đồng thời cũng không có gì chứng minh anh có việc làm, có thu nhập ổn định để chăm lo cho cháu V và cháu P. Từ những phân tích trên có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Thị H về việc được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận sự tự

nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Quang T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Dương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 15, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Hà V, sinh ngày 01/10/2011 và Trần Trọng P, sinh ngày 16/11/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc không yêu cầu anh Trần Quang T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị H phải tạo điều kiện cho anh Trần Quang T qua lại thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Hảo đã nộp theo biên lai số 0019502 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An (1);
- UBND xã Quảng Trú, Quảng Trạc, QB;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc Quân